

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 02 năm 2015*

HS&P

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành công ty cổ phần. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103004478, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 22/3/2011 chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp mới là 0300397028.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION, tên viết tắt là: TUIDONAI CORP.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119 - Điện Biên Phủ - Phường ĐaKao - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị Ông Nguyễn Đức Hoàng	Chủ tịch
Ông Lại Duy Hồng	Ủy viên
Bà Bùi Thị Chiêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Châu Kỳ	Ủy viên
Ông Võ Đình Thanh Thuyền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc Ông Nguyễn Đức Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quang Tuyền	Phó Tổng Giám đốc kế hoạch đầu tư
Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật vật tư

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KÊ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGŨI ĐỒNG NAI

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Nguyễn Đức Hoàng**  
Tổng Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 2 năm 2015*

Số: 73/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: Các cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Đồng Nai, được lập ngày 13 tháng 2 năm 2015, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tiến Trình

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1806-2013-75-01

Thay mặt và đại diện

**CHI NHÁNH CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (TP. HÀ NỘI)**

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 2 năm 2015*

Nguyễn Thị Minh Anh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1492-2013-75-01

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>98.460.720.147</b>	<b>101.954.213.166</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>12.305.495.969</b>	<b>15.441.617.650</b>
1. Tiền	111		12.305.495.969	11.441.617.650
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	50.000.000	50.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.524.936.613</b>	<b>18.085.123.748</b>
1. Phải thu khách hàng	131		21.153.471.376	22.766.063.088
2. Trả trước cho người bán	132		573.989.834	90.663.481
5. Các khoản phải thu khác	135		96.782.940	2.843.794
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.299.307.537)	(4.774.446.615)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>65.938.042.015</b>	<b>66.888.922.399</b>
1. Hàng tồn kho	141		70.538.549.164	71.190.960.457
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.600.507.149)	(4.302.038.058)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.642.245.550</b>	<b>1.488.549.369</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	2.011.519.250	245.773.444
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68.608.552	47.201.714
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.5	402.789.896	152.074.165
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	1.159.327.852	1.043.500.046
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>162.305.735.663</b>	<b>176.297.149.950</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>151.567.909.568</b>	<b>167.067.923.892</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	129.726.667.707	149.106.041.222
- Nguyên giá	222		300.510.578.789	299.543.715.876
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.783.911.082)	(150.437.674.654)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		142.072.860	142.072.860
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(142.072.860)	(142.072.860)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	21.841.241.861	17.961.882.670
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.10</b>	<b>7.875.340.512</b>	<b>8.372.730.439</b>
1. Nguyên giá	241		12.207.837.490	12.207.837.490
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.332.496.978)	(3.835.107.051)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.862.485.583</b>	<b>856.495.619</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	2.205.069.234	357.233.391
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.12	657.416.349	499.262.228
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>260.766.455.810</b>	<b>278.251.363.116</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐÔNG NAI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>167.346.936.927</b>	<b>189.871.655.283</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>138.801.883.678</b>	<b>145.060.863.350</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	60.694.973.776	71.003.085.000
2. Phải trả người bán	312		20.399.404.918	19.480.666.591
3. Người mua trả tiền trước	313		1.316.670.739	1.182.622.102
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	1.929.660.764	2.674.745.038
5. Phải trả người lao động	315		6.984.959.751	4.426.979.618
6. Chi phí phải trả	316	5.15	39.839.915.135	35.963.749.277
9. Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	319	5.16	5.468.519.030	8.491.191.482
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.167.779.565	1.837.824.242
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>28.545.053.249</b>	<b>44.810.791.933</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	1.051.805.731	1.307.740.195
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	24.254.997.927	41.984.997.927
9. Quỹ phát triển khoa học và Công nghệ	339		3.238.249.591	1.518.053.811
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>93.419.518.883</b>	<b>88.379.707.833</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>93.419.518.883</b>	<b>88.379.707.833</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.305.148.444	2.305.148.444
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.865.713.482	7.353.368.159
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.549.667.397	2.045.552.289
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.698.989.560	16.675.638.941
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>260.766.455.810</b>	<b>278.251.363.116</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ - USD		336.739,95	290.457,99

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 2 năm 2015

Người lập



Nguyễn Xuân Quang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Hoàng



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		239.689.781.946	231.100.829.789
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		110.870.732	629.018
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	239.578.911.214	231.100.200.771
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	184.187.124.703	178.317.894.780
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		55.391.786.511	52.782.305.991
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	354.938.318	542.208.682
7. Chi phí tài chính	22	5.22	8.421.682.934	9.930.987.864
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.407.787.182	9.922.961.314
8. Chi phí bán hàng	24	5.23	14.461.291.538	12.501.126.905
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.24	17.873.287.904	16.960.888.946
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		14.990.462.453	13.931.510.958
11. Thu nhập khác	31	5.25	389.157.337	933.636.364
12. Chi phí khác	32	5.25	-	1.170.115.970
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		389.157.337	(236.479.606)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		15.379.619.790	13.695.031.352
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	3.411.014.717	3.612.729.201
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế (thu nhập doanh nghiệp) (60 = 50-51-52)	60		11.968.605.073	10.082.302.151
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	1.995	1.680

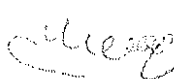
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 2 năm 2015

Người lập



Nguyễn Xuân Quang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm



Giám đốc

Nguyễn Đức Hoàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	15.379.619.790	13.695.031.352
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	2	21.890.924.459	21.327.378.263
- Các khoản dự phòng	3	823.330.013	4.368.923.679
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(55.962.442)	5.306.550
- Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(325.825.864)	(594.843.418)
- Chi phí lãi vay	6	8.407.787.182	9.922.961.314
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	46.119.873.138	48.724.757.740
- Tăng các khoản phải thu	9	672.962.201	10.455.930.302
- Giảm hàng tồn kho	10	652.411.293	145.581.177
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	3.090.103.686	(4.027.096.347)
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(3.594.374.982)	2.079.734.138
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.459.529.740)	(9.922.961.314)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.708.091.676)	(1.522.140.449)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	150.000	600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.613.077.285)	(2.170.849.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	37.160.426.635	43.763.555.938
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(5.870.121.411)	(7.805.049.726)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	144.545.455	24.545.455
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	181.280.409	369.234.947
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.544.295.547)	(7.411.269.324)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	96.500.699.307	81.221.369.783
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(124.538.810.531)	(112.067.230.187)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.756.110.000)	(6.053.650.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.794.221.224)	(36.899.510.904)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.178.090.136)	(547.224.290)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.441.617.650	15.994.148.490
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	41.968.455	(5.306.550)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	12.305.495.969	15.441.617.650

**Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ**

Tiền dùng để mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 42.605.464 VND, là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

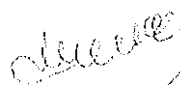
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 2 năm 2015

Người lập

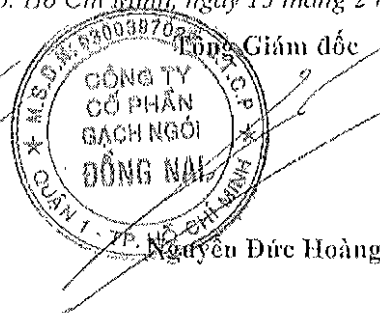


Nguyễn Xuân Quang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm



Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Hoàng

# CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Gạch ngói Đồng Nai theo Quyết định số 2313/QĐ-BXD ngày 15/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Gạch ngói Đồng Nai thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 thành công ty cổ phần. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103004478, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 22/3/2011 chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp mới là 0300397028.

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Tên tiếng nước ngoài: DONG NAI BRICK AND TILE CORPORATION

Sở hữu vốn:

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Số vốn đã góp
	Số lượng CP	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Tại 31/12/2014 VND
Dại diện vốn Nhà Nước:				
Ông Trần Văn Tề	1.227.800	12.278.000.000	20,46%	12.278.000.000
Ông Nguyễn Đức Hoàng				
Công ty Cổ phần Hóa An	675.000	6.750.000.000	11,25%	6.750.000.000
Ông Lại Duy Hồng				
Ông Hoàng Quang Tuyển	55.000	550.000.000	0,92%	550.000.000
Bà Bùi Thị Chiêm	54.500	545.000.000	0,91%	545.000.000
Các 385 cổ đông khác	3.987.700	39.877.000.000	66,46%	39.877.000.000
<b>Tổng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>60.000.000.000</b>

Trụ sở chính Công ty tại: Số 119 - Điện Biên Phủ - Phường ĐaKao - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

Số lao động tại 31/12/2014 là 606 người (31/12/2013 là: 619 người).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công nghiệp sản xuất gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng; Khai thác, chế biến khoáng sản; Đầu tư kinh doanh nhà và đô thị, văn phòng, căn hộ cao cấp, khu công nghiệp và khu dân cư; Môi giới bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng và khu công nghiệp; Trang trí nội ngoại thất công trình; Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, vật tư máy móc trong lĩnh vực vật liệu xây dựng; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán thiết bị văn phòng, đồ gỗ, kim khí điện máy; Quảng cáo thương mại; Mua bán hàng tiêu dùng: thực phẩm, nước giải khát (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), xe ô tô, xe gắn máy, phụ tùng xe gắn máy; Tư vấn và chuyển giao công nghệ sản xuất gốm sứ; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán).

Trong năm 2014, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại gạch ngói, vật liệu chịu lửa, gốm sứ xây dựng, cho thuê văn phòng và dịch vụ vận tải.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Công cụ tài chính (Tiếp theo)

###### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dùng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### Ngoại tệ

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

##### Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho mỗi thời, hàng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định hữu hình khác	06 – 08

Riêng tài sản cố định là máy móc thiết bị và lò nung sấy của Nhà máy 5 khấu hao theo phương pháp sản lượng với tổng sản lượng dự kiến là 176 triệu viên, công suất thiết kế 22 triệu viên/năm đã thay đổi sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng từ năm 2012.

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khấu hao là 3 năm.

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm giá trị xây dựng (không bao gồm nội thất và thang máy) của tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh được sử dụng cho mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

##### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm: Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí vi đề phối ngôi, khối xếp Ucasset tại Xí nghiệp 5. Thời gian phân bổ các chi phí này là 02 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09-DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

##### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn đồng thời cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí lãi vay vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn lại sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

##### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	202.800.336	461.215.339
Tiền gửi ngân hàng	12.102.695.633	10.980.402.311
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>12.305.495.969</b>	<b>15.441.617.650</b>

**5.2 Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi.

**5.3 Hàng tồn kho**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.105.953.328	15.870.701.325
Công cụ dụng cụ	1.608.369.398	1.917.897.175
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.049.926	60.556.970
Thành phẩm	55.393.739.576	52.790.143.029
Hàng hoá	376.436.936	551.661.958
<b>Tổng</b>	<b>70.538.549.164</b>	<b>71.190.960.457</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.600.507.149	4.302.038.058
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>65.938.042.015</b>	<b>66.888.922.399</b>

**5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	245.773.444	35.000.000
Tăng trong năm	5.507.876.108	3.902.738.540
Phân bổ vào chi phí trong năm	3.742.130.302	3.691.965.096
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>2.011.519.250</b>	<b>245.773.444</b>
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Chi tiết chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.726.139.469	200.773.444
Chi phí sửa chữa nhà máy 5	270.379.781	-
Chi phí thuê nhà trả trước	15.000.000	45.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.011.519.250</b>	<b>245.773.444</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	402.789.896	152.074.165
<b>Tổng</b>	<b>402.789.896</b>	<b>152.074.165</b>

**5.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.159.327.852	1.043.500.046
<b>Tổng</b>	<b>1.159.327.852</b>	<b>1.043.500.046</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2014	29.594.201.683	138.078.127.355	10.539.218.785	1.807.502.201	119.524.665.852	299.543.715.876
Tăng trong năm	-	-	-	32.803.455	2.000.564.229	2.033.367.684
Đầu tư Xây dựng cơ bản	-	-	-	32.803.455	2.000.564.229	2.033.367.684
Giảm trong năm	-	-	869.251.333	197.253.438	-	1.066.504.771
Thanh lý, nhượng bán	-	-	869.251.333	-	-	869.251.333
Điều chỉnh theo Thông tư 45	-	-	-	197.253.438	-	197.253.438
Số dư tại 31/12/2014	<u>29.594.201.683</u>	<u>138.078.127.355</u>	<u>9.669.967.452</u>	<u>1.643.052.218</u>	<u>121.525.230.081</u>	<u>300.510.578.789</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2014	15.721.950.925	68.899.041.176	8.045.818.529	1.644.494.603	56.126.369.421	150.437.674.654
Tăng trong năm	1.722.785.260	8.844.410.929	516.651.249	74.146.140	10.235.540.955	21.393.534.532
Khấu hao trong năm	1.722.785.260	8.844.410.929	516.651.249	74.146.140	10.235.540.955	21.393.534.532
Giảm trong năm	-	-	869.251.333	178.046.771	-	1.047.298.104
Thanh lý, nhượng bán	-	-	869.251.333	-	-	869.251.333
Điều chỉnh theo Thông tư 45	-	-	-	178.046.771	-	178.046.771
Số dư tại 31/12/2014	<u>17.444.736.185</u>	<u>77.743.452.105</u>	<u>7.693.218.445</u>	<u>1.540.593.972</u>	<u>66.361.910.376</u>	<u>170.783.911.082</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2014	<u>13.872.250.758</u>	<u>69.179.086.179</u>	<u>2.493.400.256</u>	<u>163.007.598</u>	<u>63.398.296.431</u>	<u>149.106.041.222</u>
Tại 31/12/2014	<u>12.149.465.498</u>	<u>60.334.675.250</u>	<u>1.976.749.007</u>	<u>102.458.246</u>	<u>55.163.319.705</u>	<u>129.726.667.707</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 31/12/2014 là: 130.603.496.917 đồng (31/12/2013: 142.601.223.808 đồng)

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2014 là 48.318.284.738 đồng (Tại 31/12/2013 là 49.107.347.044 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	37.969.000	104.103.860	142.072.860
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>37.969.000</u>	<u>104.103.860</u>	<u>142.072.860</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	37.969.000	104.103.860	142.072.860
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>37.969.000</u>	<u>104.103.860</u>	<u>142.072.860</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2014	-	-	-
Tại 31/12/2014	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2014 là 142.072.860 đồng

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	17.961.882.670	10.657.531.841
Tăng trong năm	5.912.726.875	8.034.896.283
Kết chuyển tài sản cố định	2.033.367.684	730.545.454
Tại ngày 31 tháng 12	<u>21.841.241.861</u>	<u>17.961.882.670</u>
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	VND	VND
Mua sắm, làm mới TSCĐ	1.297.043.282	2.733.870.557
Nhà Máy Gạch Ngói Đồng Nai 1	1.114.107.113	1.114.107.113
Xí nghiệp mỏ sét Phú giáo	19.430.091.466	14.113.905.000
	<u>21.841.241.861</u>	<u>17.961.882.670</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09-DN

**5.10 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2014	12.207.837.490	12.207.837.490
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>12.207.837.490</u>	<u>12.207.837.490</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2014	3.835.107.051	3.835.107.051
Tăng trong năm	497.389.927	497.389.927
Khấu hao trong năm	497.389.927	497.389.927
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>4.332.496.978</u>	<u>4.332.496.978</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2014	<u>8.372.730.439</u>	<u>8.372.730.439</u>
Tại 31/12/2014	<u>7.875.340.512</u>	<u>7.875.340.512</u>

Bất động sản đầu tư là giá trị tòa nhà Văn phòng tại Số 119 Điện Biên Phủ, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (không bao gồm giá trị nội thất và giá trị (hàng máy). Tòa nhà này được dùng vừa làm văn phòng của Công ty vừa cho mục đích thuê. Tuy nhiên, diện tích phần lớn là cho thuê nên Công ty theo dõi toàn bộ trên giá trị tài sản Bất động sản đầu tư và được khấu hao cho thời gian 25 năm.

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	357.233.391	2.561.604.051
Tăng trong năm	3.986.161.280	13.545.455
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.138.325.437	2.217.916.115
Tại ngày 31 tháng 12	<u>2.205.069.234</u>	<u>357.233.391</u>
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Chi tiết chi phí trả trước dài hạn</b>	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản và Ucasset	<u>2.205.069.234</u>	<u>357.233.391</u>
Tổng	<u>2.205.069.234</u>	<u>357.233.391</u>

**5.12 Tài sản dài hạn khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>657.416.349</u>	<u>499.262.228</u>
Tổng	<u>657.416.349</u>	<u>499.262.228</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.13 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay tổ chức tín dụng	41.299.973.776	37.830.000.000
Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Mạc Thị Bưởi	41.299.973.776	37.830.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	19.395.000.000	33.173.085.000
Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Mạc Thị Bưởi	19.395.000.000	33.173.085.000
<b>Tổng</b>	<b>60.694.973.776</b>	<b>71.003.085.000</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	960.732.731	1.120.924.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp	808.450.057	1.105.527.016
Thuế thu nhập cá nhân	66.700.676	296.626.561
Thuế tài nguyên	75.849.500	97.795.530
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	22.825.260
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	17.927.800	31.046.200
<b>Tổng</b>	<b>1.929.660.764</b>	<b>2.674.745.038</b>

**5.15 Chi phí phải trả**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trích trước tiền đầu DO	74.488.593	186.628.632
Trích trước tiền thuê đất	697.800.110	1.052.195.940
Trích trước chi phí lãi vay (*)	36.734.144.942	33.213.001.315
Trích trước chi phí khác	2.333.481.490	1.511.923.390
<b>Tổng</b>	<b>39.839.915.135</b>	<b>35.963.749.277</b>

(\*) Đây là chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Mạc Thị Bưởi và Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - TNHH Một thành viên đã lũy kế từ nhiều năm và đã được xác nhận bởi 2 đơn vị nêu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	194.662.800	374.866.094
Bảo hiểm xã hội	85.505.366	4.971.105
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.097.371.657	5.620.528.997
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.090.979.207	2.488.768.721
<i>Cò tức của cò đồng</i>	<i>510.057.000</i>	<i>1.926.573.500</i>
<i>Công ty Mua bán Nơ</i>	<i>287.125.970</i>	<i>287.125.970</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>293.796.237</i>	<i>275.069.251</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.056.565
<b>Tổng</b>	<b>5.468.519.030</b>	<b>8.491.191.482</b>

**5.17 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.051.805.731	1.307.740.195
<b>Tổng</b>	<b>1.051.805.731</b>	<b>1.307.740.195</b>

**5.18 Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	1.937.000.000	19.667.000.000
Vay dài hạn đối tượng khác	22.317.997.927	22.317.997.927
<b>Tổng</b>	<b>24.254.997.927</b>	<b>41.984.997.927</b>

**Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	43.649.997.927	75.158.082.927
Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Mạc Thị Bưởi	21.332.000.000	52.840.085.000
Tổng Công ty Vật Liệu Xây dựng số 1	22.317.997.927	22.317.997.927
Nợ dài hạn đến hạn trả	19.395.000.000	33.173.085.000
Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Mạc Thị Bưởi	19.395.000.000	33.173.085.000
<b>Tổng</b>	<b>24.254.997.927</b>	<b>41.984.997.927</b>

**5.17 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**

Công ty ký kết hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng NN & PTNT CN Mạc Thị Bưởi theo các hợp đồng tín dụng sau:

- (1) Hợp đồng tín dụng TT146.01.01 (Thay đổi thành HĐTD số 04/1900 - LAV - 200200158) ngày 05 tháng 10 năm 2001 để đầu tư xây dựng Nhà máy vật liệu chịu lửa Đồng Nai công suất 13.200 tấn/năm. Hạn mức tín dụng 124.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 0,6%/tháng trong thời hạn 96 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay gắn liền trên đất và giá trị quyền sử dụng đất. Thời hạn trả nợ vay được điều chỉnh theo Biên bản bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 10 tháng 01 năm 2014 điều chỉnh thời hạn trả nợ vay đến ngày 30/12/2015. Số dư tại ngày 31/12/2014 là 14.700.000.000 đồng.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 1900 - LAV - 200901479 ngày 14 tháng 10 năm 2009 đầu tư xây dựng dự án mỏ sét gạch ngói tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giao, tỉnh Bình Dương. Hạn mức tín dụng 20.000.000.000 đồng trong thời hạn 10 năm từ ngày nhận nợ đầu tiên 14/10/2009, lãi suất cho vay 0,875%/tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh 6 tháng một lần theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn VND 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cho vay cộng tối thiểu 3,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay gắn liền trên đất và giá trị quyền sử dụng đất. Số dư tại ngày 31/12/2014 là 6.632.000.000 đồng.

Công ty ký kết Hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên theo các hợp đồng vay vốn sau:

- (3) Hợp đồng vay vốn số 030107/HĐVV-ĐN ngày 03/01/2007 để đầu tư xây dựng Nhà máy Gạch ngói Việt Đức. Tổng số tiền vay là 14.392.328.907 đồng, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất 0,95%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,5%/tháng. Thời gian bắt đầu tính lãi vay kể từ ngày vay. Thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 31/12/2011. Công ty đã ký phụ lục hợp đồng kéo dài thời gian trả nợ đến 31/12/2016. Số dư nợ tại ngày 31/12/2014 là: 4.392.328.907 VND.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 26/HĐCVV-ĐN ngày 01/07/2006 để phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư. Tổng số tiền vay là 17.925.669.020 đồng, thời hạn vay 5 năm. Lãi suất 0,2%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 0,4%/tháng. Thời gian bắt đầu tính lãi vay kể từ ngày vay. Thời gian trả nợ cuối cùng là ngày 01/07/2011. Công ty vẫn chưa thực hiện gia hạn hợp này với Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên. Số dư nợ tại ngày 31/12/2014 là 17.925.669.020 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.19 Vốn chủ sở hữu**

**a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	60.000.000.000	2.305.148.444	5.817.388.783	1.533.559.164	16.788.575.398	86.444.671.789
Tăng trong năm	-	-	1.535.979.376	511.993.125	10.082.302.151	12.130.274.652
Lãi trong năm	-	-	-	-	10.082.302.151	10.082.302.151
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.535.979.376	511.993.125	-	2.047.972.501
Giảm trong năm	-	-	-	-	10.195.238.608	10.195.238.608
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.583.951.877	3.583.951.877
Chia Cổ tức năm 2012	-	-	-	-	6.600.000.000	6.600.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	11.286.731	11.286.731
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>2.305.148.444</b>	<b>7.353.368.159</b>	<b>2.045.552.289</b>	<b>16.675.638.941</b>	<b>88.379.707.833</b>
Số dư tại 01/01/2014	60.000.000.000	2.305.148.444	7.353.368.159	2.045.552.289	16.675.638.941	88.379.707.833
Tăng trong năm	-	-	1.512.345.323	504.115.108	11.968.605.073	13.985.065.504
Lãi trong năm	-	-	-	-	11.968.605.073	11.968.605.073
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.512.345.323	504.115.108	-	2.016.460.431
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.945.254.454	8.945.254.454
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.528.805.754	3.528.805.754
Chia Cổ tức năm 2013	-	-	-	-	5.400.000.000	5.400.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	16.448.700	16.448.700
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>2.305.148.444</b>	<b>8.865.713.482</b>	<b>2.549.667.397</b>	<b>19.698.989.560</b>	<b>93.419.518.883</b>

*Công ty trích lập quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 28/03/2014.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng góp vốn	Số đã thực góp	Số đã thực góp	Tỷ lệ đã
	đến 31/12/2014	đến 01/01/2014	góp
	VND	VND	(%)
Vốn góp của Nhà Nước	12.278.000.000	12.278.000.000	20%
Vốn góp của đối tượng khác	47.722.000.000	47.722.000.000	80%
<b>Tổng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>5.400.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND/CP)</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

**5.20 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	227.226.141.571	218.685.778.099
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.290.854.722	1.614.754.075
Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.061.914.921	10.799.668.597
<b>Tổng</b>	<b>239.578.911.214</b>	<b>231.100.200.771</b>

**5.21 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	177.655.184.847	169.753.264.632
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.399.694.978	667.786.207
Giá vốn kinh doanh bất động sản	3.833.775.787	4.767.798.759
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	298.469.091	3.129.045.182
<b>Tổng</b>	<b>184.187.124.703</b>	<b>178.317.894.780</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.22 Doanh thu/Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	181.280.409	369.234.947
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	106.103.091	172.973.735
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	67.554.818	-
<b>Tổng</b>	<b>354.938.318</b>	<b>542.208.682</b>
<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền vay	8.407.787.182	9.922.961.314
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.303.376	2.720.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.592.376	5.306.550
<b>Tổng</b>	<b>8.421.682.934</b>	<b>9.930.987.864</b>
<b>Thu nhập tài chính - thuần</b>	<b>(8.066.744.616)</b>	<b>(9.388.779.182)</b>

**5.23 Chi phí bán hàng**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	2.950.732.729	3.017.518.091
Chi phí vật liệu bao bì	5.973.725.141	5.829.932.716
Thuế, phí và lệ phí	1.030.895.125	707.870.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.129.008.030	1.329.131.742
Chi phí bằng tiền khác	2.376.930.513	1.616.674.180
<b>Tổng</b>	<b>14.461.291.538</b>	<b>12.501.126.905</b>

**5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.130.427.445	6.303.971.163
Chi phí vật liệu quản lý	547.957.666	223.792.717
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	391.357.311	449.525.757
Thuế, phí và lệ phí	2.946.028.719	2.834.494.895
Chi phí dự phòng	524.860.922	1.239.878.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.323.711.803	2.507.345.433
Chi phí bằng tiền khác	4.008.944.038	3.401.880.484
<b>Tổng</b>	<b>17.873.287.904</b>	<b>16.960.888.946</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.25 Thu nhập/Chi phí khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý cửa hàng Xăng dầu Uyên	-	909.090.909
Thanh lý tài sản cố định	144.545.455	24.545.455
Thu liên lãi khách hàng	235.611.882	-
Thu nhập khác	9.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>389.157.337</b>	<b>933.636.364</b>
Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	708.027.893
Chi phí phạt chậm nộp thuế	-	462.088.077
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>1.170.115.970</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>389.157.337</b>	<b>(236.479.606)</b>

**5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.379.619.790	13.695.031.352
Các khoản điều chỉnh tăng	192.547.376	755.885.452
- <i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>105.000.000</i>	<i>206.250.000</i>
- <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>87.547.376</i>	<i>549.635.452</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	67.554.818	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm</i>	<i>67.554.818</i>	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>15.504.612.348</b>	<b>14.450.916.804</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	25%
Thuế TNDN phải nộp	3.411.014.717	3.612.729.201
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.411.014.717</b>	<b>3.612.729.201</b>

**5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.968.605.073	10.082.302.151
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>11.968.605.073</b>	<b>10.082.302.151</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.995</b>	<b>1.680</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.472.739.134	86.200.452.776
Chi phí nhân công	50.848.455.264	57.284.605.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.317.618.987	19.890.136.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.879.642.581	18.772.462.566
Chi phí khác bằng tiền	25.106.005.452	17.927.121.274
<b>Tổng</b>	<b>197.624.461.418</b>	<b>200.074.778.543</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị	Lương, thưởng, thù lao	1.731.026.423	1.785.921.615
<b>Tổng</b>		<b>1.731.026.423</b>	<b>1.785.921.615</b>

Giao dịch trong năm với bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1	Cổ đông lớn	Bán thành phẩm	2.625.395.369	-
		Chi phí tham gia triển lãm	27.272.727	-
		Chi phí lãi vay	871.464.736	1.625.136.757
		Giảm chi phí lãi vay		3.164.522.162
		Chia cổ tức	1.105.020.000	1.350.580.000
<b>Số dư với bên liên quan</b>				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1	Cổ đông lớn	Nợ gốc vay phải trả	22.317.997.927	22.317.997.927
		Chi phí lãi vay phải trả	12.647.426.343	11.703.555.043
		Cổ tức còn phải trả	-	1.350.580.000

**6.2 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.305.495.969	15.441.617.650
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.950.946.779	17.994.460.267
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
Tài sản tài chính khác	657.416.349	499.262.228
<b>Tổng</b>	<b>28.963.859.097</b>	<b>33.985.340.145</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	84.949.971.703	112.988.082.927
Phải trả người bán và phải trả khác	26.919.729.679	29.279.598.268
Chi phí phải trả	39.839.915.135	35.963.749.277
<b>Tổng</b>	<b>151.709.616.517</b>	<b>178.231.430.472</b>

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

#### 6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	25.512,26	25.512,26	539.003,69	361.597,34
<b>Tổng</b>	<b>25.512,26</b>	<b>25.512,26</b>	<b>539.003,69</b>	<b>361.597,34</b>

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này. Tại ngày 31/12/2014, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro này thấp do Công ty có khoản đầu tư tài chính khác là không trọng yếu.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI ĐỒNG NAI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2014</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	25.867.923.948	1.051.805.731	26.919.729.679
Chi phí phải trả	39.839.915.135	-	39.839.915.135
Các khoản vay	60.694.973.776	24.254.997.927	84.949.971.703
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	27.971.858.073	1.307.740.195	29.279.598.268
Chi phí phải trả	35.963.749.277	-	35.963.749.277
Các khoản vay	71.003.085.000	41.984.997.927	112.988.082.927

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi lĩnh thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.305.495.969	-	12.305.495.969
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.950.946.779	-	15.950.946.779
Đầu tư tài chính khác	50.000.000	-	50.000.000
Tài sản tài chính khác	-	657.416.349	657.416.349
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.441.617.650	-	15.441.617.650
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.994.460.267	-	17.994.460.267
Đầu tư tài chính khác	50.000.000	-	50.000.000
Tài sản tài chính khác	-	499.262.228	499.262.228

**6.3 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Xuân Quang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Chiêm

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 2 năm 2015

Đội Giám đốc



Nguyễn Đức Hoàng